

Thực trạng thể chất của nữ sinh viên năm thứ nhất trường Đại học lâm nghiệp

TS. Nguyễn Quang San, ThS. Phạm Thu Trang, ThS. Nguyễn Văn Cường ■

TÓM TẮT:

Đánh giá thực trạng nữ sinh viên năm thứ nhất trường ĐH Lâm nghiệp trước khi giảng dạy GDTC, từ đó làm cơ sở xây dựng kế hoạch, nội dung, chương trình giảng dạy và hình thức đánh giá cho phù hợp với đối tượng người học. Xếp loại thể lực của SV trường ĐHLN theo quy định 53/2008/BGD&ĐT của Bộ GD&ĐT loại tốt có 25SV chiếm tỉ lệ 10.00%; đạt 96SV chiếm tỉ lệ 38.40%, chưa đạt có 129SV chiếm tỉ lệ 51.60%.

Từ khóa: Thể chất, Sinh viên, Đại học Lâm nghiệp.

ABSTRACT:

Evaluating the status of first-year female students at Vietnam National University of Forestry before teaching physical education, thereby serving as a basis for creating plans, content, curriculum and assessment suitable form for students. Physical fitness ranking of students of Vietnam National University of Forestry according to the regulations 53/2008 / BGD & DT of the Ministry of Education and Training: good type with 25 students, accounting for 10.00%; pass type 96 students, accounting for 38.40%, not pass 129 student, accounting for 51.60%.

Keywords: Physical, student, Vietnam National University of Forestry.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trường Đại học Lâm nghiệp (ĐHLN) là trường đào tạo đa ngành, đa cấp, đa lĩnh vực để đáp ứng nhu cầu nhân lực và giải quyết các nhiệm vụ khoa học công nghệ của đất nước góp phần quan trọng vào sự nghiệp phát triển ngành, phát triển toàn diện kinh tế xã hội trên địa bàn cả nước. Để nâng cao hiệu quả công tác Giáo dục thể chất cần đánh giá đúng thực trạng thể chất của người học, đây là căn cứ quan trọng định hướng cho quá trình đổi mới chương trình đào tạo và đánh giá kết quả học tập của sinh viên (SV). Xuất phát từ lý do trên đề tài tiến hành nghiên cứu: “*Thực trạng thể chất của nữ SV năm thứ nhất*



(Ảnh minh họa)

trường Đại học Lâm nghiệp”.

Trong quá trình nghiên cứu đề tài sử dụng các phương pháp: phân tích tổng hợp tài liệu, kiểm tra y sinh học, kiểm tra sự phạm, toán học thống kê.

2. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

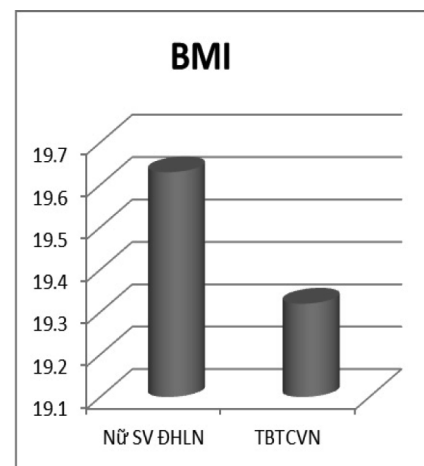
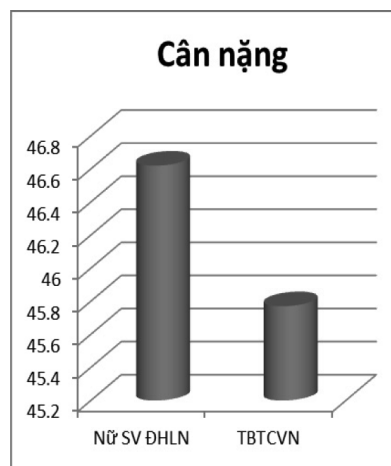
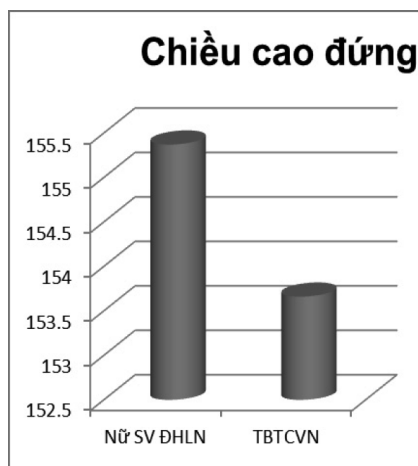
2.1. Đánh giá thực trạng thể chất nữ SV năm thứ nhất trường ĐHLN

Để đánh giá thực trạng thể chất của nữ sinh viên năm thứ nhất trường ĐHLN đề tài sử dụng các test kiểm tra thể chất người Việt Nam (2001) và tiêu chuẩn đánh giá thể lực học sinh, sinh viên theo Quyết định số 53/2008/QĐ-BGDĐT ban hành ngày 18 tháng 9 năm 2008. Kết quả đánh giá thể chất của nữ sinh viên năm thứ nhất trường ĐHLN được đề tài tiến hành vào tháng 9 năm 2020 đây là thời điểm sau gần 20 năm khi tiến hành điều tra thể chất nhân dân năm 2001.

Kết quả đánh giá thực trạng thể chất của nữ sinh viên trường ĐHLN cho chúng ta thấy rõ về sự phát triển thể chất của sinh viên trường so với thể chất của người Việt Nam năm 2001. Kết quả khảo sát được trình bày ở bảng 1.

Bảng 1. Thực trạng thể chất nữ sinh viên trường ĐH Lâm nghiệp so với thể chất người Việt Nam

TT	Test	Nữ SV ĐHLN (n = 250)		TBTCVN (n = 1500)		t	P
		$\bar{x}$	δ	$\bar{x}$	δ		
1	Chiều cao (cm)	155.37	4.42	153.66	4.98	5.56	<0.001
2	Cân nặng (kg)	46.62	4.76	45.77	5.03	2.59	<0.005
3	Chỉ số BMI	19.63	3.05	19.32	1.78	1.56	>0.05
4	Chỉ số công năng tim	20.06	1.45	19.48	1.85	5.61	<0.001
5	Đeo gấp thân	14.32	3.27	14.04	3.3	1.25	>0.05
6	Lực bóp tay (kg)	30.03	4.51	29.15	4.91	2.82	<0.005
7	Nằm ngửa gấp bụng (lần)	11.37	3.68	12	3.99	2.48	<0.005
8	Bật xa tại chỗ (cm)	161.7	16.36	159	17.1	2.40	<0.005
9	Chạy XPC 30m (s)	6.09	0.56	6.19	0.61	2.58	<0.005
10	Chạy con thoi 4x10m (s)	12.57	0.98	12.62	1.09	0.73	>0.05
11	Chạy tùy sức 5phút (m)	702	98.5	729	101	4.00	<0.001



Biểu đồ 1. So sánh hình thái của nữ SV năm thứ nhất so với trung bình thể chất người Việt nam 19 tuổi

Kết quả khảo sát ở bảng 1 cho thấy:

- Về hình thái

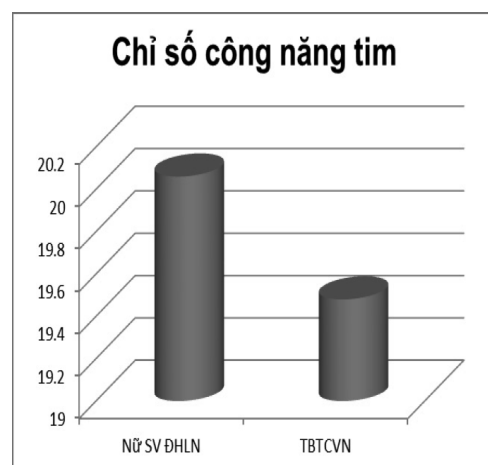
Chiều cao trung bình của nữ SV năm thứ nhất trường ĐHLN là 1,55m cao hơn so với trung bình thể chất Việt Nam (TBTCVN) năm 2001 là 1,71cm sự khác biệt thể hiện $t_{\text{tính}} > t_{\text{bảng}}$ ở ngưỡng xác suất thống kê $p > 0.001$.

Cân nặng trung bình của nữ SV năm thứ nhất trường ĐHLN cao hơn so với TBTCVN là 0,85kg sự khác biệt thể hiện $t_{\text{tính}} > t_{\text{bảng}}$ ở ngưỡng xác suất thống kê $p > 0.005$.

Sự khác biệt chỉ số BMI giữa nữ sinh viên ĐHLN và TBTCVN không có ý nghĩa thống kê $p < 0.05$. Chỉ số BMI tại bảng 1 cho thấy nữ SV trường ĐHLN là 19,63 theo xếp loại tổ chức Y tế thế giới WHO là bình thường (19 - 25).

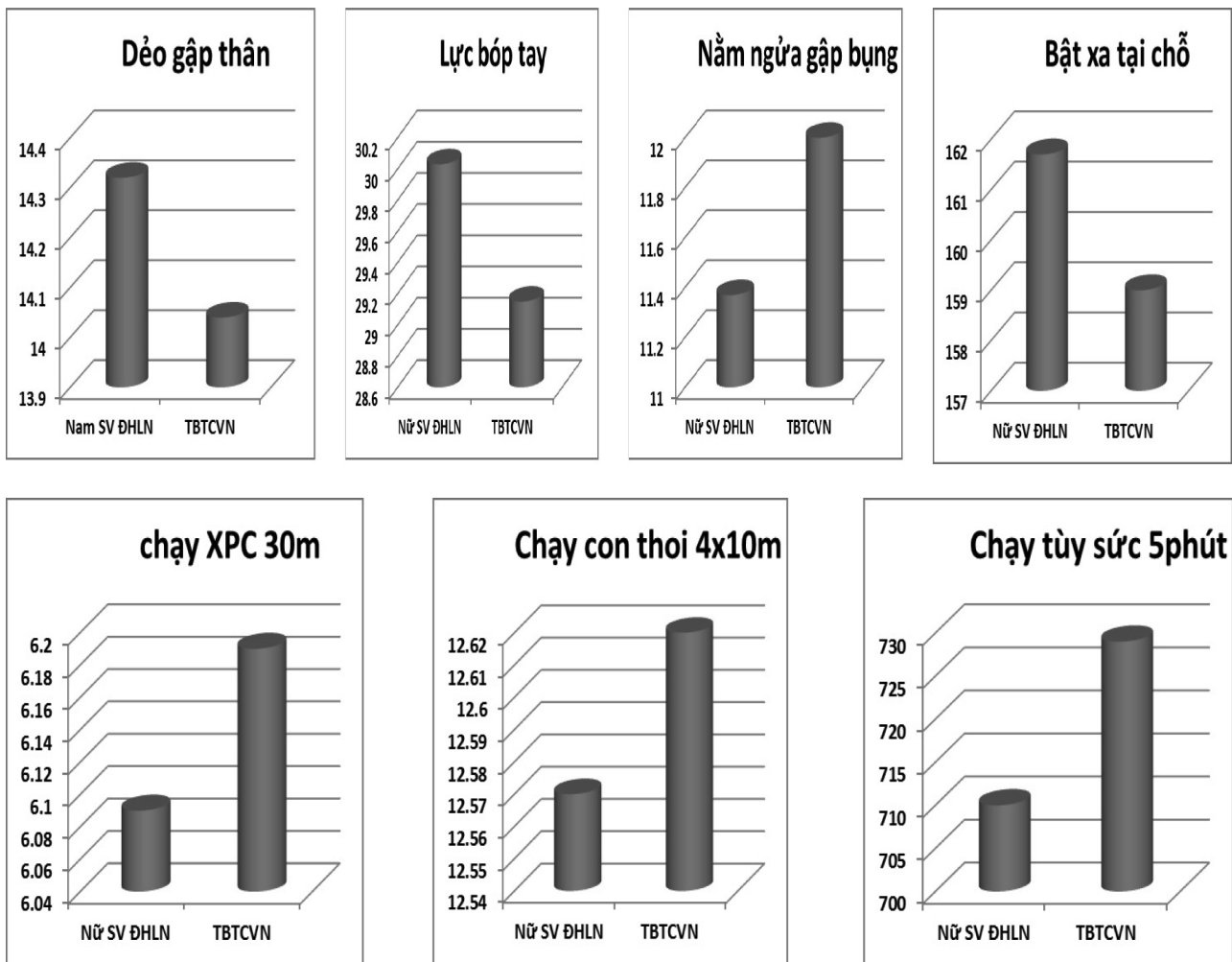
Kết quả so sánh được thể hiện qua biểu đồ 1.

- Về chức năng



Biểu đồ 2. So sánh chỉ số công năng tim của nữ SV năm thứ nhất so với trung bình thể chất người Việt nam 19 tuổi

Thông qua chỉ số công năng tim để đánh giá khả năng vận động của cơ thể. Kết quả bảng 1 cho thấy



Biểu đồ 3. So sánh thể lực của nữ SV năm thứ nhất so với trung bình thể chất người Việt nam 19 tuổi

chỉ số công năng tim của nữ SV trường ĐHLN là 20,06 kém hơn TBTCVN 19,48 sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê $p < 0.001$.

- Về thể lực

Kết quả bảng 1 cho thấy, có 5/7 test thể lực có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ở ngưỡng xác suất thống kê $p < 0.01$. Trong đó các test lực bóp tay thuận, bật xa tại chỗ và chạy 30m XPC của nữ SV trường ĐHLN tốt hơn so với TCTCVN. Ngược lại các test nằm ngửa gập bụng và chạy 5 phút tùy sức của nữ SV trường ĐHLN kém hơn so với TCTCVN. Các test đứng dẻo gập thân và chạy con thoi 4x10 sự khác biệt không có ý nghĩa thống kê $p < 0.05$.

Kết quả so sánh được thể hiện qua biểu đồ 3.

2.2. Đánh giá thể lực của sinh viên năm thứ nhất trường ĐHLN theo quy định số 53/2008/BGD&ĐT

Theo Quyết định 53/2008/BGD&ĐT của Bộ GD&ĐT ngày 18/ 9/2008 về việc đánh giá thể lực

của học sinh, sinh viên được phân loại theo loại tốt, đạt, không đạt. Theo quy định đánh giá thể lực SV được lựa chọn 4 trong 7 test để đánh giá, trong đó có 2 test bắt buộc gồm: bật xa tại chỗ và chạy tùy sức 5 phút và chúng tôi chọn thêm 2 test gồm: nằm ngửa gập bụng và chạy con thoi 4x10m để đánh giá. Kết quả đánh giá nam SV năm thứ nhất trường ĐHLN theo quy định 53/2008/BGD&ĐT được trình bày tại bảng 2.

Kết quả bảng 2 cho thấy, xếp loại thể lực theo từng tiêu chí cụ thể như sau:

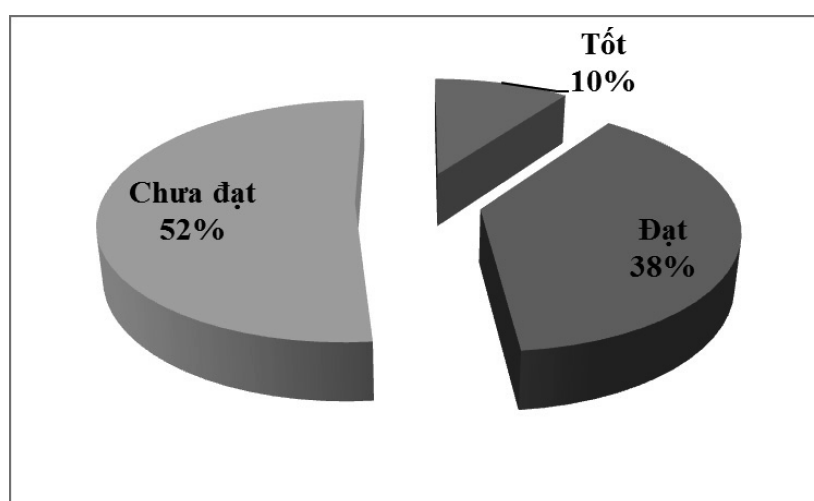
- Nằm ngửa gập bụng (L/30giây): tốt có 86SV chiếm tỉ lệ 34.40%; đạt 104SV chiếm tỉ lệ 41.60%, chưa đạt có 60SV chiếm tỉ lệ 24%.

- Bật xa tại chỗ (cm): tốt có 75SV chiếm tỉ lệ 30.00%; đạt 112SV chiếm tỉ lệ 44.80%, chưa đạt có 63SV chiếm tỉ lệ 25.20%.

- Chạy con thoi 4x10m (giây): tốt có 130SV chiếm tỉ lệ 52.00%; đạt 90SV chiếm tỉ lệ 36.00%, chưa đạt có 30SV chiếm tỉ lệ 12.00%.

Bảng 2. Đánh giá thể lực của nam sinh viên năm thứ nhất trường ĐHLN theo quy định số 53/2008/BGD&ĐT (n = 250)

TT	Đối tượng	Xếp loại	Nằm ngửa gập bụng (L/30giây)	Bật xa tại chỗ (cm)	Chạy con thoi 4x10m (giây)	Chạy tùy sức 5 phút (m)	Thể lực SV ĐHLN
1	Quy định của Bộ GD&ĐT	Tốt	>19	>169	<12.00	940	
		Đạt	>16	>153	>13.00	870	
2	Sinh viên ĐHLN	Tốt	86 34.40%	75 30.00%	130 52.00%	37 14.80%	25 10.00%
		Đạt	104 41.60%	112 44.80%	90 36.00%	89 35.60%	96 38.40%
		Chưa đạt	60 24.00%	63 25.20%	30 12.00%	124 49.60%	129 51.60%



Biểu đồ 4. Đánh giá thể lực của nam sinh viên năm thứ nhất trường ĐHLN theo quy định số 53/2008/BGD&ĐT (n = 250)

- Chạy tùy sức 5 phút (m) (giây): tốt có 37SV chiếm tỉ lệ 14.80%; đạt 89SV chiếm tỉ lệ 35.60%, chưa đạt có 124SV chiếm tỉ lệ 49.60%.

Kết quả xếp loại thể lực của nữ SV năm thứ nhất trường ĐHLN theo quy định đánh giá thể lực học sinh theo quy định 53/2008/BGD&ĐT loại tốt có 25SV chiếm tỉ lệ 10.00%; đạt 96SV chiếm tỉ lệ 38.40%, chưa đạt có 129SV chiếm tỉ lệ 51.60%. Tỷ lệ % thể lực của nữ SV năm thứ nhất trường ĐHLN theo quy định đánh giá thể lực học sinh theo quy định 53/2008/BGD&ĐT được thể hiện qua biểu đồ 4.

3. KẾT LUẬN

Thông qua đánh giá thực trạng thể chất của nữ SV trường ĐHLN so với TBTCVN 19 tuổi cho phép bước đầu thu được các giá trị gồm: tốt hơn về hình thái, sức nhanh và sức mạnh của tay, cơ đùi; ngang bằng ở sức dẻo, sự khéo léo; kém ở chức năng tim, sức mạnh cơ lưng bụng và sức bền.

Kết quả xếp loại thể lực của SV trường ĐHLN theo quy định 53/2008/BGD&ĐT của Bộ GD&ĐT loại tốt có 25SV chiếm tỉ lệ 10.00%; đạt 96SV chiếm tỉ lệ 38.40%, chưa đạt có 129SV chiếm tỉ lệ 51.60%.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lê Văn Lãm, Vũ Đức Thu, Nguyễn Trọng Hải, Vũ Thị Huệ (2000), *Thực trạng phát triển thể chất học sinh sinh viên Việt Nam trước thềm thế kỷ 21*; Nxb.TDĐT, Hà Nội.

2. Quyết định số 53/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18 tháng 9 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

3. Ủy ban TDĐT (2003), *Điều tra thể chất nhân dân từ 6 đến 60 tuổi*. Nxb TDĐT, Hà Nội

Nguồn bài báo: Trích từ kết quả nghiên cứu của đề tài cấp cơ sở: “Đánh giá thể chất của sinh viên trường Đại học Lâm nghiệp trước và sau khi học Giáo dục thể chất”, Nguyễn Quang San và cộng sự, 2018.

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 12/1/2021; ngày phản biện đánh giá: 16/3/2020; ngày chấp nhận đăng: 21/4/2021)